

Bản án số:12/2024/DS-ST

Ngày: 06 - 9 - 2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các hội thẩm nhân dân: 1 Ông Trần Thanh Tùng;
2. Ông Lê Dũng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Quế – kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST- DS ngày 25 tháng 03 năm 2024, về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST - DS ngày 06/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST - DS ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Bà Quản Thị B, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Th H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Quản Thị H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: SN a, đường Quốc lộ b, tiểu khu c, thị trấn D, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá

Đồng bị đơn: - Anh Lý Văn Tr sinh năm 1985;

- Chị Lê Thị H2, sinh năm 1985;

Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã Th H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Quản Trọng Th1, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn Q, xã Th H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Thêu: Chị Quản Thị H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: SN 11/9 đường Quốc lộ 5, tiểu khu 3, thị trấn Thiệu Hoá, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa có mặt chị H, anh Tr, vắng mặt chị H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2024, bản tự khai ngày 29 tháng 3 năm 2024 cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Bà Quản Thị B trình bày:

Ngày 21/01/2023 Bà Quản Thị B có cho anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 vay số tiền là 61.700.000đ (*Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Anh Tr và chị H2 hứa trong năm 2023 sẽ trả lại số tiền này cho bà B. Nhiều lần bà B lên nhà đề đòi lại số tiền nhưng anh Tr và chị H2 không trả.

Vì vậy bà Quản Thị B đề nghị Tòa án buộc anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 phải trả số tiền là 61.700.000đ (*Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng*) cho bà B, bà B không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 04 năm 2024 anh Lý Văn Tr trình bày:

Do hoàn cảnh khó khăn nên vào ngày 21/01/2023 vợ chồng anh Tr chị H2 có vay của bà B, ông Thêu số tiền là 61.700.000đ (*Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là đến tháng 4/2023 âm lịch vợ chồng anh Tr chị H2 phải trả tiền cho bà B. Trong quá trình vay do vợ chồng gặp khó khăn nên khi đến hạn trả nợ cho bà B, ông Thêu thì vợ chồng anh Tr chị H2 không trả được. Tính đến ngày 9/4/2024 vợ chồng anh Tr chị H2 còn nợ bà B, ông Thêu là 61.700.000đ (*Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Anh Tr đề nghị bà B, ông Thêu tạo điều kiện để vợ chồng trả nợ thành 4 kỳ như sau:

Kỳ 1: Vào ngày 09/7/2024: Vợ chồng anh Tr, chị H2 trả cho ông Bình, bà Thêu số tiền là 15.425.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm hai lăm nghìn đồng)

Kỳ 2: Vào ngày 09/10/2024: Vợ chồng anh Tr, chị H2 trả cho ông Bình, bà Thêu số tiền là 15.425.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm hai lăm nghìn đồng)

Kỳ 3: Vào ngày 09/01/2025: Vợ chồng anh Tr, chị H2 trả cho ông Bình, bà Thêu số tiền là 15.425.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm hai lăm nghìn đồng)

Kỳ 4: Vào ngày 09/4/2025: Vợ chồng anh Tr, chị H2 trả cho ông Bình, bà Thêu số tiền là 15.425.000đ (Mười lăm triệu bốn trăm hai lăm nghìn đồng)

Tại bản tự khai ngày 29 tháng 03 năm 2024 ông Quản Trọng Th1 trình bày:

Vợ ông là bà Quản Thị B có cho anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 vay số tiền là 61.700.000 (*Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng*). Anh Tr và chị H2 có hứa với bà B là trong năm 2023 sẽ trả đủ lại số tiền đã vay. Nhiều lần bà B lên đòi nhưng anh Tr, chị H2 vẫn cố tình không trả. Ông Thêu đề nghị Tòa án buộc anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 trả lại số tiền 61.700.000đ (*Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng*) cho bà B. Bà B, ông Thêu không yêu cầu tính lãi suất.

Chị Lê Thị H2 đã được Tòa án tổng đạt thông báo và giấy triệu tập hợp lệ, nhưng chị H2 không nhận văn bản của Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không có bản khai, không có ý kiến của chị H2.

Tại phiên tòa có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện của bà B, yêu cầu anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 61.700.000đ (Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng) cho bà B, bà B không yêu cầu tính tiền lãi. Tại phiên tòa chị H cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quản Trọng Th1 vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai ông Thêu đã trình bày đề nghị anh Tr chị H2 trả số nợ 61.700.000đ (Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng) cho bà B, ông đồng ý với bà B không yêu cầu tính tiền lãi anh Tr, chị H2, số tiền này là tài sản chung của vợ chồng nhưng đề nghị anh Tr, chị H2 vay từ bà B thì cứ thanh toán cho bà B. Tại phiên tòa anh Tr thừa nhận đến ngày mở phiên tòa vợ chồng anh vẫn còn nợ bà B số tiền trên, anh đề nghị cho vợ chồng anh trả dần từ nay đến hết âm lịch năm 2024 anh sẽ trả hết cho bà B.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa có quan điểm:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa xét xử, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa không có yêu cầu hoặc kiến nghị gì cần khắc phục vi phạm về tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147; điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Quản Thị B. Buộc bị đơn anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 phải trả cho bà Quản Thị B số tiền nợ: 61.700.000đ (Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về án phí: Bị đơn anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1].Về tố tụng: Bà Quản Thị B khởi kiện yêu cầu anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 thanh toán số tiền nợ anh Tr và chị H2 đã vay của bà, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 có hộ khẩu và nơi cư trú tại thôn Q, xã Th H, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, nên căn cứ vào khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Quản Thị H, anh Lý Văn Tr, chị Lê Thị H2 đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ. Chị H2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai

nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H2.

[2].Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án bà Quản Thị B vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 phải thanh toán số tiền nợ gốc cho bà là 61.700.000đ (Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng), bà B không yêu cầu tính lãi. Đối với ông Quản Trọng Th1 là chồng của bà Quản Thị B cũng thừa nhận bà B đã cho vợ chồng anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 vay số tiền 61.700.000đ (Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng). Đây là tài sản chung của vợ chồng ông, vì vậy ông đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu anh Tr chị H2 trả tiền nợ cho bà B. Xét giấy vay tiền thì thấy ngày 30/12/2022 âm lịch tức ngày 21/01/2023 dương lịch anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 ghi giấy vay tiền của bà Quản Thị B với số tiền là 61.700.000đ (Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng). Trong giấy vay tiền hai bên không ghi thỏa thuận lãi, hạn đến 4/2023 âm lịch sẽ trả, đến hạn bà Quản Thị B đòi nợ nhiều lần nhưng anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 cố tình không trả. Số nợ Anh Tr và chị H2 nợ bà B là 61.700.000đ (Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án Anh Lý Văn Tr cũng thừa nhận việc vợ chồng anh có nợ Bà Quản Thị B số tiền là 61.700.000đ (Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng). Nhưng hiện tại anh Tr và chị H2 khó khăn không có cả một lúc số tiền trên nên anh Trương đề nghị cho vợ chồng anh được trả dần. Như vậy thực tế có việc anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 vay tiền của bà Quản Thị B và anh Tr, chị H2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà B. Nguyên đơn là Bà Quản Thị B yêu cầu anh Tr và chị H2 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 61.700.000đ (Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng), ông Thêu là chồng bà B thừa nhận đây là tài sản chung của ông và bà B, tuy nhiên ông đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị anh Tr chị H2 trả số tiền trên cho bà B. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn bà Quản Thị B là phù hợp và có căn cứ chấp nhận. Về lãi suất nguyên đơn bà B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thêu không yêu cầu tính, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3].Về án phí: Anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Quản Thị B. Buộc bị đơn anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 phải trả cho bà Quản Thị B số tiền là 61.700.000đ (Sáu một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền và thời gian chưa thi hành án, mức lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự hoặc khi pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Anh Lý Văn Tr và chị Lê Thị H2 phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 3.085.000đ (*Ba triệu không trăm tám lăm nghìn đồng*).

Trả lại bà Quản Thị B số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tại phiếu thu số: 0001830 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn bà Quản Thị B, bị đơn anh Lý Văn Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Quản Trọng Th1 có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày tuyên án. Bị đơn chị H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công bố hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

